

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2026
*Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Ngọc Lan

Bà Hoàng Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9
- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2026/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2026 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phùng Văn M**, sinh ngày 19/8/1988; Số CCCD: 022088066954; Địa chỉ: **Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng.**

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị P**, sinh ngày 27/02/1982; Số CCCD: 030182009196; Nơi đăng ký thường trú: **Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng.** Nơi ở hiện nay: **Đài Loan.**

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Vũ Thị N**, sinh ngày 14/10/1957; Số CCCD: 030157002931; Địa chỉ: **Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng.**

Anh **M**, chị **P**, bà **N** đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn - anh **Phùng Văn M** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị P** kết hôn với nhau ngày 22/3/2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường U, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chị **P** ở **thôn L, xã A,**

thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Sau khoảng 02 - 03 năm chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, động viên nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện. Đến năm 2025, chị P đi xuất khẩu lao động. Anh cũng chuyển ra ở trọ bên ngoài. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phùng An N1, sinh ngày 16/6/2020. Hiện nay cháu An N1 đang sinh sống cùng bà ngoại là bà Vũ Thị N tại thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng. Sau khi ly hôn, anh đề nghị giao cháu An N1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị P đang ở nước ngoài nên tạm thời giao cháu cho bà Vũ Thị N chăm sóc trong thời gian chị P không có mặt tại Việt Nam. Anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng đã nhiều lần tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn - chị Nguyễn Thị P không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Bà Vũ Thị N là mẹ đẻ của chị P trình bày: Chị P hiện đang lao động tại Đài Loan. Chị P vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với bà và con của chị P. Sau khi tòa án thụ lý vụ án, tòa án gửi các thông báo, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho chị P thông qua bà, bà đã thông báo cho chị P biết. Chị P có nói với bà là: Hiện tại, chị đang ở Đài Loan, không thể về Việt Nam theo giấy triệu tập của Tòa án được. Chị P đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Quan điểm của chị P là: Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể ở với nhau được nữa nên chị đồng ý ly hôn anh M. Chị P đề nghị tòa án giao con chung là Phùng An N1 cho chị P được nuôi dưỡng. Trong thời gian chị P đang ở nước ngoài, chị P đề nghị Tòa án giao con cho bà trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P cũng đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng thông qua bà để thông báo lại cho chị P. Bà xác định quá trình chị P liên lạc thì cũng không nói địa chỉ hiện tại cụ thể ở đâu nên bà không cung cấp được cho Tòa án.

Theo bà **N**, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh **M** và chị **P** là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh **M** xin ly hôn chị **P**, bà không phản đối và đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, bà **N** xác định cháu **N1** từ nhỏ đến nay sống ổn định cùng mẹ và bà ngoại. Hiện tại, chị **P** đi lao động nước ngoài nên bà trực tiếp chăm sóc cháu. Nếu vợ chồng ly hôn, bà đề nghị giao cháu **N1** cho chị **P** tiếp tục nuôi dưỡng. Bà cũng nhất trí theo ý kiến của chị **P**, anh **M**, đề nghị tòa án tạm giao cháu **N1** cho bà trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị **P** ở nước ngoài. Bà không yêu cầu anh **M** và chị **P** phải cấp dưỡng nuôi cháu **N1** với bà.

- Ông **Hoàng Văn C** (Tổ trưởng **tổ dân phố L**) cung cấp: Hiện chị **Nguyễn Thị P** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng**. Về mâu thuẫn giữa anh **M** và chị **P** thôn không nắm được, chỉ biết là hiện nay anh **M** không sống cùng với chị **P** và gia đình nhà chị **P**. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Tại Công văn số 2770/XNC-Đ1 ngày 20/4/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - **Công an thành phố H** xác định: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh ngày 27/02/1982, số CCCD: 030182009196 xuất cảnh gần nhất ngày 27/7/2025 bằng hộ chiếu số E03880640 qua cửa khẩu SBQT Nội Bài, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Phùng Văn M**. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Phùng Văn M** ly hôn chị **Nguyễn Thị P**. Về con chung: Có 01

con chung. Xử giao con chung là **Phùng An N1**, sinh ngày 16/6/2020 cho chị **Nguyễn Thị P** tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ tháng 6/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh **M** không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị **P**. Tạm giao con chung là **Phùng An N1** cho bà **Vũ Thị N** chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị **P** không có mặt tại Việt Nam. Anh **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: Anh **Phùng Văn M** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn - chị **Nguyễn Thị P** đăng ký thường trú tại **thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng**. Anh **Phùng Văn M** khởi kiện xin ly hôn chị **P** và đề nghị giải quyết việc nuôi con, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phùng Văn M** và chị **Nguyễn Thị P** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2019 tại **Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh**. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh **M** và chị **P** là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ đầu năm 2025 đến nay, hai bên sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập chị **P** đến Tòa án nhiều lần, nhưng chị **P** không đến, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh **M**, chị **P** từ đầu năm 2025 đến nay không sống chung, yêu

thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh **M** xin ly hôn với chị **P**.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Phùng An N1**, sinh ngày 16/6/2020. Từ nhỏ đến nay cháu **An N1** sinh sống ổn định cùng mẹ và bà ngoại. Hiện tại, chị **P** đang lao động tại Đài Loan nhưng vẫn duy trì liên lạc và có trách nhiệm đối với con. Cả chị **P**, anh **M** và bà **N** đều có quan điểm thống nhất giao cháu **N1** cho chị **P** nuôi dưỡng. Tạm giao cháu **N1** cho bà **N** nuôi dưỡng trong thời gian chị **P** lao động tại nước ngoài. Quan điểm của chị **P**, anh **M**, bà **N** phù hợp với nhau, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại của các bên. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận việc giao con theo sự thống nhất của chị **P**, anh **M**, bà **N** để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung.

Chị **P**, bà **N** tự nguyện không yêu cầu anh **M** phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là ý kiến tự nguyện của chị **P**, bà **N**, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Anh **M** không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh **M** thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh **M** là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Phùng Văn M**.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Phùng Văn M** ly hôn chị **Nguyễn Thị P**.

- Về con chung: Có 01 con chung.

Xử giao con chung là **Phùng An N1**, sinh ngày 16/6/2020 cho chị **Nguyễn Thị P** tiếp tục nuôi dưỡng, kể từ tháng 6/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh **M** không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị **P**.

Tạm giao con chung là **Phùng An N1** cho bà **Vũ Thị N** chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị **P** không có mặt tại Việt Nam.

Anh **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh **Phùng Văn M** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh **M** đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0003625 ngày 03/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; Anh **M** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 09-Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (để ghi vào sổ hộ tịch số 19/2019, ngày 22/3/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Giang